

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 8 - 2024

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng

2. Ông Phạm Hồng Thuận

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Tấn Bửu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị B L, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Tổ 07, khóm L T 1, phường L S, thị xã T C, tỉnh A G (có mặt).

- Bị đơn: Anh Vương Quốc H, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Tổ 07, khóm L T 1, phường L S, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2024, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị B L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị B L và anh Vương Quốc H sống chung vào năm 2014, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Sơn, thị xã Tân Châu theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 cấp ngày 27/3/2014.

Cuộc sống chung có hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã, vợ chồng không còn tiếng nói chung cho đến năm 2023 thì anh H bị bắt phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xử phạt 08 năm tù, hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 02, Trại giam Kênh 7 – Bộ Công an.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Lê Thị B L và anh Vương Quốc H có hai con chung tên: Vương Thảo N, sinh ngày 26/11/2014 và Vương Thảo N1, sinh ngày 05/8/2017. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Vương Quốc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị B L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vương Quốc H có lời khai trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vương Quốc H thống nhất với lời trình bày của chị Lê Thị B L về điều kiện, thời gian kết hôn, cũng như nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng và anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh Vương Quốc H và chị Lê Thị B L có hai con chung tên: Vương Thảo N, sinh ngày 26/11/2014 và Vương Thảo N1, sinh ngày 05/8/2017, hiện đang sống chung với chị L. Anh H đồng ý giao con chung cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Vương Quốc H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử công bố biên bản ghi lời khai ngày 16/7/2024 của bị đơn, nguyên đơn chị Lê Thị B L không có ý kiến.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang:

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật Tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Vương Quốc H vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị B L và anh Vương Quốc H.

- Về con chung: Giao con chung tên Vương Thảo N, sinh ngày 26/11/2014 và Vương Thảo N1, sinh ngày 05/8/2017 cho chị Lê Thị B L được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Vương Quốc H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị B L và anh Vương Quốc H trình bày không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị B L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Chị Lê Thị B L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Vương Quốc H, bị đơn có đăng ký thường trú tại: khóm L T 1, phường L S, thị xã T C, tỉnh A G nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa, anh Vương Quốc H vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị B L và anh Vương Quốc H sống chung vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Sơn, thị xã Tân Châu theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 cấp ngày 27/3/2014 là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã nên chị L với anh H đã không còn chung sống đó cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh H, anh H nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đồng ý ly hôn với chị L. Xét thấy, chị L và anh H tự nguyện thuận tình ly hôn, Hội đồng xét xử công nhận tình ly hôn giữa chị Lê Thị B L và anh Vương Quốc H là có căn cứ theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị Lê Thị B L và anh Vương Quốc H có hai con chung tên: Vương Thảo N, sinh ngày 26/11/2014 và Vương Thảo N1, sinh ngày 05/8/2017, hiện nay đang sống chung với chị L. Anh H đồng ý giao hai con chung cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con chung của chị L và anh H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận việc thỏa thuận nuôi con chung của chị L và anh H.

[3] Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị B L và anh Vương Quốc H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị B L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị B L và anh Vương Quốc H.

2. *Về con chung*: Giao cháu Vương Thảo N, sinh ngày 26/11/2014 và Vương Thảo N1, sinh ngày 05/8/2017 cho chị Lê Thị B L được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Vương Quốc H không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị B L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh Vương Quốc H, không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thị B L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008128 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Lê Thị B L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Vương Quốc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- UBND phường Long Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Sang